

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 20-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với:

- Bị cáo Huỳnh Trọng T, sinh ngày 17/9/2000; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: **09/12**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; tiền án: Không; tiền sự: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 06/2019/QĐ-TA ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp; **tạm giữ: Không; tạm giam: Không.**

Bị cáo hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo Thái Công T, sinh năm 1996; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Bảo Đ, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1975; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/LCĐKNCT, ngày 17 tháng 4 năm 2019.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Huỳnh Ngọc Kim T, sinh năm 1996 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Nguyên đơn dân sự:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Thái Bảo Đ, sinh năm 1969 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 1989 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Mai Thanh T, sinh năm 1997 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

2. Anh Lưu Ngọc M, sinh năm 1986 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

3. Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1985 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

4. Anh Lý Minh T, sinh năm 1995 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/10/2018, Huỳnh Trọng T cùng với Nguyễn Văn L, Mai Thanh T, Huỳnh Ngọc Kim T tổ chức uống rượu tại gia đình T ở trước trường Tiểu học P, thuộc ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, bốn người đang uống rượu thì Thái Công T đến vào uống rượu chung. T ngồi cạnh T nói chuyện qua lại thì xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nên T bỏ đi qua chợ P thuộc ấp L, xã P, cách địa điểm uống rượu khoảng 200 mét đến sạp (kệ) bán thịt heo (không nhớ rõ sạp nào) lấy một cây móc bằng kim loại sắt quay lại địa điểm uống rượu, T hát bàn uống rượu và ôm cổ đánh nhau với T. Trong lúc đánh nhau, T bị T quật ngã

và ngồi đè lên người đánh, T và T đến can ngăn thì T bị T đánh trúng vào vai, T đang giữ T lại và kêu T lấy xe về, T lên ngồi trên xe định chạy đi thì T lấy dao xếp, loại dao gọt trái cây trong túi quần ra đâm vào bên hông phải của T lý do đâm vì T đánh T lúc can ngăn nhưng không trúng T mà dao gập lại gây đứt ngón tay út của T. Lúc này, T bỏ chạy, T và T cùng nhau đuổi theo nhưng không thấy T nên quay lại thấy chiếc xe mô tô biển số 66P1-4327 của T để lại ở nơi uống rượu, T nhặt cây móc lên đập vào bên hông phải của xe làm hư hỏng, còn T lấy xe mô tô này chở T qua chợ P tìm T nhưng không gặp nên cả hai điều khiển xe đến trước chợ P để xe. Sau đó, T đi đến sạp bán thịt heo (không nhớ rõ sạp nào) lấy một dao bầu, một dao tầm bực và một búa để tìm đánh T, khi quay lại thấy T đang cầm khúc gỗ dài khoảng 40cm đập vào đầu và hông xe, T đi đến dùng con dao loại tầm bực chặt và đập xe của T làm hư hỏng, T kêu T dẫn xe vừa bị đập làm hư hỏng đến tới quán bà H.

Đối với T, sau khi bị T và T đuổi đánh nên bỏ chạy và điện thoại cho Nguyễn Hoàng V để nhờ can thiệp và V điện thoại cho T, T nghe điện thoại xong cầm cây đi lại nhà V, T cầm dao, búa đi theo đến nhà thấy V, T và T ném bỏ hung khí và đứng nói chuyện với V. Sau đó, tất cả đến nơi để xe và dẫn xe mô tô trên về để cặp lộ, trước cửa nhà của V. Đến sáng ngày 20/10/2018 anh Tăng Văn H thấy xe 66P1-4327 bị hư hỏng nặng nên đến trình báo công an xã P.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUFAT, loại xe Sirius màu đen, vàng, biển số 66P1 – 4327, đã bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01a/BKLĐG, ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện T, kết luận giá trị tài sản như sau: Bộ áo Nhật; Tem; Chá đèn trước; Đồng hồ; Bộ đèn sau; Yên xe; Gác chân sau bên phải, tổng cộng 3.530.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 26/CT-VKS-TN ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Thái Công T và Huỳnh Trọng T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Thái Công T, về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Huỳnh Trọng T, về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự bà T yêu cầu bị cáo T và T liên đới bồi thường chi phí thuê xe đi lại buôn bán là 6.000.000đồng bị cáo T và T đồng ý bồi thường là phù hợp pháp luật.

Về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên theo quyết định truy tố của Cáo trạng.

- Bị cáo Thái Công T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, bị cáo đồng ý cùng bị cáo T bồi thường tiền thuê xe cho bà T là 6.000.000đồng (trong đó bị cáo 3.000.000đồng, bị cáo T 3.000.000đồng). Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Huỳnh Trọng T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, bị cáo đồng ý cùng bị cáo T bồi thường tiền thuê xe cho bà T là 6.000.000đồng (trong đó bị cáo 3.000.000đồng, bị cáo T 3.000.000đồng). Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Việc các bị cáo T và T làm hư hỏng chiếc xe mô tô của bà, chi phí sửa xe các bị cáo đã trả xong bà không yêu cầu gì thêm. Tuy nhiên, bà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền chi phí thuê xe chở đồ đi bán hàng ngày trong thời gian chiếc xe bị hư hỏng không hoạt động được là 6.000.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Bảo Đ trình bày: Việc bị cáo T làm hư hỏng xe bà T ông hoàn toàn không biết, nhưng ông có trả số tiền sửa xe thay bị cáo T là 1.272.000đồng, ông không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lại cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T trình bày: Việc bị cáo T làm hư hỏng xe bà T ông hoàn toàn không biết, nhưng ông có trả số tiền sửa xe thay bị cáo T là 1.272.000đồng, ông không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lại cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản xác định tình trạng hư hỏng ngày 28/11/2018; Bản kết luận định giá tài sản số: 01a/BKLĐG, ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/3/2019 và sơ đồ hiện trường ngày 20/3/2019 của Công an huyện T.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo cố ý làm hư hỏng chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 66P1 – 4327 với giá trị là 3.530.000đồng.

Giữa các bị cáo thực hiện vụ án là đồng phạm; không có thỏa thuận với nhau trước, nhưng không thuộc dạng phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự sắp xếp, phân công cụ thể, rõ ràng vai trò trước khi phạm tội. Cụ thể trong vụ án này vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo T thực hiện với vai trò chính là người tạo ra mâu thuẫn, trực tiếp dùng móc bằng kim loại để đập vào phần hông bên phải xe mô tô biển kiểm soát số 66P1 – 4327 đầu tiên, sau đó tiếp tục dùng khúc gỗ đập vào phần đầu và hông xe.

Bị cáo T là đồng phạm tham gia, không ngăn cản bị cáo T mà bị cáo cùng thực hiện dùng dao đến chặt và đập vào xe mô tô trên cùng với bị cáo T.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Tất cả tài sản đều do con người lao động vất vả để tạo nên, do đó quyền sở hữu tài sản của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kì ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật.

Bản thân các bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này; Mặc khác các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình cố ý làm hư hỏng tài sản là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra xuất phát từ nhiều động

cơ khác nhau như: để trả thù, do tức giận không kìm chế bản thân... nhưng chủ yếu là vì tư thù. Hậu quả giá trị tài sản bị hư hỏng là 3.530.000đồng. Hành vi của các bị cáo thật đáng phê phán, nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, các bị cáo T và T tác động gia đình tự nguyện sửa chữa tài sản thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T có ông nội Huỳnh Văn M tham gia cách mạng thương binh hạng 1/4 nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T và T: Không.

Xét thấy, về hình phạt các bị cáo như nhau nhưng đối với bị cáo T khi thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản công an đang làm việc thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, về ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo T chưa tốt nên cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[4] Đối với bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 06/2019/QĐ-TA ngày 31/01/2019 với thời gian là 13 (mười ba) tháng, bị cáo đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp. Do hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” của bị cáo trong vụ án này bị xử phạt tù nên khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nêu trên theo quy định tại Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xét thấy bản thân các bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo T và T với nguyên đơn dân sự bà T tự thỏa thuận với nhau về mức bồi thường, cụ thể bà T yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí thuê xe đi lại buôn bán trong thời gian hư hỏng không sử dụng được là 6.000.000đồng và các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, bị cáo T và T với bà T tự nguyện thỏa thuận bồi thường không trái quy định pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

[7] Đối với ông Thái Bảo Đ và ông Huỳnh Thanh T mỗi người trả số tiền là 1.272.000đồng để hỗ trợ các bị cáo bồi thường tiền sửa xe cho bị hại T trong tổng số tiền 2.544.000đồng và cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả tiền này lại nên không xem xét.

[8] Đối với Huỳnh Ngọc Kim T có đơn yêu cầu không giám định và không yêu cầu xử lý hình sự với thương tích do bị cáo T dùng dao đâm T nên không xem xét.

[9] Đối với thương tích trên ngón tay út của bị cáo T xác định bị cáo tự gây ra và bị T đánh vào vùng vai không gây thương tích nên không xem xét.

[10] Đối với Trần Thị T xác định có mất một dao bầu và một dao tầm bực tại sạp bán thịt heo đúng với đặc điểm bị cáo T khai. Mặc khác, chị T khai không mất búa và móc bằng kim loại, chị T không yêu cầu bị cáo T bồi thường các con dao đã bị mất nên không xem xét.

[11] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUFAT, loại xe Sirius màu đen, vàng, biển số 66P1 – 4327, đã bị hư hỏng. Trong quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Thanh T nhận lại xong nên không xem xét.

Đối với cây móc bằng kim loại, khúc gỗ, dao bầu, dao tầm bực và cây búa, các bị cáo lấy của ai, ở sạp nào thì các bị cáo không nhớ, sau khi thực hiện đập xe xong các bị cáo đã ném bỏ nhưng không nhớ vị trí nào. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không được nên không xem xét.

[12] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trọng T phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Thái Công T phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Thái Công T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Thái Công T và Huỳnh Trọng T liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

đồng). Trong đó, phần bị cáo T chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), phần bị cáo T chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thái Công T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Huỳnh Trọng T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

3. Án xử công khai có mặt các bị cáo, nguyên đơn dân sự; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tg;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông